

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Ngành bán lẻ Việt Nam trong quá trình chuyển đổi số - cơ hội và thách thức.....**3**
Đặng Văn Mỹ
- Quan điểm của chủ nghĩa cộng đồng phương Tây về tự do và xây dựng nền văn minh chính trị trong xã hội dân chủ..... **16**
Mai Thị Hồng Liên, Nguyễn Hùng Vương
- Giáo dục Nho học ở một số làng xã vùng Đàng Ngoài qua hệ thống trường tư thế kỷ XVII-XVIII ..**24**
Trịnh Thị Hà
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tính nghiêm minh và khoan dung trong công tác kỷ luật và thi hành kỷ luật Đảng hiện nay..... **32**
Nguyễn Thị Hoài Phương
- Một số vấn đề về cơ hội tiếp cận giáo dục của người Chứt ở khu vực bắc miền Trung nước ta... **38**
Lê Mạnh Hùng, Hồ Sỹ Lập
- Một số thách thức đối với biến đổi tôn giáo khu vực Đông Nam Á hiện nay..... **46**
Hoàng Thị Mỹ Nhi
- Khái lược văn học dân gian dân tộc Raglai vùng Nam Trung Bộ..... **56**
Nguyễn Thanh Tùng
- Liên kết vùng Tây Nguyên: Thực trạng và những vấn đề đặt ra..... **64**
Đoàn Triệu Long, Võ Văn Lợi
- Đạo Tin lành trong cộng đồng dân tộc Bahnar ở tỉnh Gia Lai – lịch sử truyền đạo, những vấn đề đặt ra và gợi mở giải pháp..... **72**
Trung Thị Thu Thủy
- Tuổi kết hôn trung bình, chất lượng quản trị công và giảm nghèo tại các tỉnh Việt Nam: Một nghiên cứu thực nghiệm..... **81**
Huỳnh Công Minh
- Vai trò của tình yêu thương hiệu trong việc giải thích lòng trung thành thương hiệu thực phẩm hữu cơ của khách hàng tại khu vực Nam Trung Bộ..... **90**
Nguyễn Thị Nga
- Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của du khách quốc tế về hình ảnh điểm đến du lịch thành phố Đà Nẵng..... **99**
Phạm Thái Hà
- Phân tích các nhân tố tác động đến giữ chân nguồn nhân lực trong hệ thống doanh nghiệp kinh doanh lưu trú cao cấp Đà Nẵng..... **114**
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Phương Thảo
- Nghiên cứu mối quan hệ giữa sự hài lòng về việc học trực tuyến và hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên chuyên ngành kế toán Đại học Quy Nhơn..... **130**
Đào Nhật Minh, Huỳnh Thị By By, Võ Thị Ngọc Cẩm, Lê Minh Bảo Trân
- Đánh giá hiệu quả một số mô hình trồng rừng ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Thanh Hóa..... **141**
Phạm Hữu Hùng, Nguyễn Hữu Hào, Lê Văn Cường, Lê Văn Tuất

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 4/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2024

The 17th Year

Contents

| | |
|--|-----|
| 1. Vietnam's retail industry in digital transformation - opportunities and challenges..... | 3 |
| <i>Dang Van My</i> | |
| 2. The viewpoint of Western communitarianism on freedom and building a civilized political system in a democratic society..... | 16 |
| <i>Mai Thi Hong Lien, Nguyen Hung Vuong</i> | |
| 3. Cofucian education at the private school system in villages of Dang Ngoai region in 17 th and 18 th centuries..... | 24 |
| <i>Trinh Thi Ha</i> | |
| 4. Applying Ho Chi Minh's thought on strictness and tolerance in the Party's current disciplinary work and enforcement..... | 32 |
| <i>Nguyen Thi Hoai Phuong</i> | |
| 5. Educational access of the Chut people in the North Central region of Vietnam..... | 38 |
| <i>Le Manh Hung, Ho Sy Lap</i> | |
| 6. Challenges to Religious Change in Contemporary Southeast Asia..... | 46 |
| <i>Hoang Thi My Nhi</i> | |
| 7. Overview of the Raglai people's folkliterature in the South Central Region..... | 56 |
| <i>Nguyen Thanh Tung</i> | |
| 8. The Central Highlands regional linkages - the real situation and emerging issues..... | 64 |
| <i>Doan Trieu Long, Vo Van Loi</i> | |
| 9. Protestantism in the Bahnar ethnic community in Gia Lai province – missionary history, problems raised and suggested solutions..... | 72 |
| <i>Trung Thi Thu Thuy</i> | |
| 10. Average ages of marriage, governance quality and poverty: Empirical evidence of provincial levels from Vietnam..... | 81 |
| <i>Huynh Cong Minh</i> | |
| 11. The role of brand love in explaining customers' organic food brand loyalty in the South Central region..... | 90 |
| <i>Nguyen Thi Nga</i> | |
| 12. Current situation and orientation for developing international integration capacity of tourism destination Da Nang in the coming time..... | 99 |
| <i>Pham Thai Ha</i> | |
| 13. An analysis of factors affecting employee retention in luxury accommodation business in Da Nang | 114 |
| <i>Pham Quang Tin, Nguyen Thi Phuong Thao</i> | |
| 14. A relationship between online learning satisfaction and effectiveness of online learning among accounting students at Quy Nhon University..... | 130 |
| <i>Dao Nhat Minh, Huynh Thi By By, Vo Thi Ngoc Cam, Le Minh Bao Tran</i> | |
| 15. Effective assessment of paradigms of coastal afforestation in the context of climate change in Thanh Hoa province..... | 141 |
| <i>Pham Huu Hung, Nguyen Huu Hao, Le Van Cuong, Le Van Tuat</i> | |

Đạo Tin lành trong cộng đồng dân tộc Bahnar ở tỉnh Gia Lai

Trung Thị Thu Thủy

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: trungthuyhv3@gmail.com

Tóm tắt: Đạo Tin lành vào Tây Nguyên từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX gắn bó chặt chẽ với các dân tộc tại chỗ nơi đây. Mặc dù còn có mặt của các tôn giáo khác như Công giáo, Phật giáo, Cao Đài,... nhưng Tin Lành được xem là tôn giáo có ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ không chỉ đối với đời sống tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ Bahnar, mà cả trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh chính trị của vùng Tây Nguyên và tỉnh Gia Lai nói riêng. Vì vậy, vấn đề đạo Tin Lành hiện nay là một nội dung công tác quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của khu vực. Nghiên cứu này trình bày lịch sử truyền đạo Tin lành trong cộng đồng người Bahnar, nhận diện những vấn đề đặt ra và gợi mở một số giải pháp nhằm ổn định cộng đồng Bahnar theo đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai hiện nay.

Từ khóa: Tin lành, Bahnar, Gia Lai

Protestantism in the Bahnar ethnic community in Gia Lai province

Abstract: Protestantism has been introduced in the Central Highlands since the late 20s of the twentieth century and closely associated with the local ethnic groups here. Despite other religions such as Catholicism, Buddhism, and Cao Dai in the region, Protestantism is considered an influential religion with strong impact on not only Bahnar ethnic group's religious life but also the socio-economic, cultural, and political development of this locality. Therefore, solving the current Protestants' issues plays an important role in the sustainable development strategy of the region. The paper states the history of Protestantism missionaries in Bahnar group, identifies problems, and proposes solutions to stabilizing Bahnar group in the province.

Keyword: Protestantism, Bahnar, Gia Lai province

Ngày nhận bài: 06/2/2023 **Ngày phản biện:** 10/2/2023 **Ngày duyệt đăng:** 15/4/2023

1. Đặt vấn đề

Từ năm 1929, quá trình truyền giáo Tin Lành vào các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Tây Nguyên được khởi sự, gắn với sự kiện vợ chồng giáo sĩ H. A. Lackson thuộc Hội truyền giáo phúc âm Liên hiệp C&MA (The Christian and Missionary Alliance) đến Đà Lạt thiết lập trụ sở truyền giáo đầu tiên ở khu vực này. Trải qua các giai đoạn thăng trầm, Tin Lành trở thành một thực thể tôn giáo quan trọng, có ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của các DTTS ở Tây Nguyên. Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tin Lành ở vùng DTTS Tây Nguyên trên nhiều phương diện khác nhau, như: lịch sử truyền giáo; sinh hoạt tôn giáo và đặc điểm niềm tin của tín đồ; nguyên nhân đạo Tin Lành phát triển nhanh trong vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên; ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tôn giáo này đến xã hội, văn hóa và an ninh chính trị ở khu vực Tây Nguyên; chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên,... Các công trình nghiên cứu này đã khắc họa khá toàn diện về đạo Tin Lành ở khu vực Tây Nguyên, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và triển khai thực hiện các chính sách đối với Tin Lành ở địa bàn Tây Nguyên và Việt Nam. Tuy vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu về Tin Lành ở Tây Nguyên thường có cách tiếp cận bao quát cho cả khu vực, khảo sát rộng trên nhiều tộc người, mà chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về quá trình du nhập và tác động của Tin Lành vào một tộc người cụ thể. Vì vậy, việc nghiên cứu Tin Lành trong cộng đồng người Bahnar ở Gia Lai sẽ đóng góp tư liệu về lịch sử truyền đạo, nguyên nhân phát triển đạo, những vấn đề đặt ra của Tin Lành trong cộng đồng người Bahnar.

2. Lịch sử truyền đạo Tin Lành trong cộng đồng dân tộc Bahnar, tỉnh Gia Lai

Tỉnh Gia Lai nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; phía nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía bắc giáp tỉnh Kon Tum; phía tây giáp tỉnh Ratanariki (Campuchia). Dân số tỉnh Gia Lai theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là 1.513.847 người, trong đó người Kinh chiếm 55%, các dân tộc thiểu số chiếm 45%. Trên địa bàn

tỉnh hiện có 05 tôn giáo đang hoạt động là: Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Cao đài, Baha'í⁽¹⁾. Thực tế tại Gia Lai cho thấy, đặc trưng tôn giáo gắn với tộc người rất rõ nét, thể hiện cụ thể các tín đồ của đạo Cao Đài và Phật giáo chủ yếu là người Kinh, các tín đồ của đạo Tin Lành chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ Jrai và Bahnar (chiếm 98%); trong khi Công giáo có 50% tín đồ người Kinh và 50% tín đồ người DTTS tại chỗ (Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai, 2019).

Người Bahnar thuộc nhóm loại hình Indonediens của chủng Mongoloid phương Nam, là dân tộc nói ngôn ngữ Môn - Khmer lớn nhất ở Nam Trung Bộ và thứ hai ở Việt Nam. Tại thời điểm 01/4/2019, dân số Bahnar ở Gia Lai có 189.367 người⁽²⁾. Ở Gia Lai, địa bàn sinh sống của người Bahnar trải dài từ nam cao nguyên Kon Plong đến bắc thung lũng Cheo Reo (theo chiều bắc nam); từ đông cao nguyên Pleiku đến hết vùng trung An Khê (theo chiều đông tây). Người Bahnar cư trú chủ yếu tại các huyện phía đông của tỉnh Gia lai như Đak Đoa, Mang Yang (đông cao nguyên Pleiku); Kbang, Đăk Pơ (thuộc vùng Kông Ka Kinh và cao nguyên Kon Hà Nừng); huyện Kông Chro (thuộc vùng trũng An Khê dọc theo sông Ba).

Căn cứ vào bối cảnh truyền giáo, đặc điểm, phương thức truyền giáo, có thể khái quát lịch sử truyền đạo Tin Lành vào cộng đồng người Bahnar ở Gia Lai qua những giai đoạn sau:

*** Giai đoạn 1930-1975:**

Tại Gia Lai, đạo Tin Lành bắt đầu du nhập, bén rễ từ những năm 1930 - 1931 do giáo sĩ thuộc Hội Truyền giáo phúc âm Liên hiệp (C&MA) lên Pleiku truyền đạo. Thời điểm khởi đầu do chưa chuẩn bị tốt về mặt ngôn ngữ và kinh sách bằng tiếng dân tộc nên đạo Tin lành chủ yếu truyền vào vùng người Kinh. Lúc này, Công giáo đang ở thời điểm phát triển mạnh ở tỉnh Gia Lai. Vì vậy, trong thời gian gần 10 năm, đạo Tin Lành mới có khoảng 70 - 80 tín đồ người Kinh với một Hội thánh nhỏ tại Pleiku. Đây là một số người ở vùng khác di dân lên Pleiku sinh sống và một số ít người mới theo đạo.

Năm 1938, Phạm Xuân Tín - lúc này đang là một truyền đạo tập sự tại Buôn Mê Thuột, sau khi biết tin tại Cheo Reo (nay là huyện Ayun Pa) chưa có ai đến truyền đạo Tin Lành cho người Jrai nên ông đã quyết định đến Cheo Reo. Tuy nhiên, chỉ được 2 tháng thì chính quyền thực dân Pháp cấm giảng đạo tại Cheo Reo, Phạm Xuân Tín lại quay về Buôn Mê Thuột. Năm 1941, ông được bổ nhiệm đến Pleiku để truyền đạo cho người Jrai và Bahnar (Hội thánh Tin Lành Việt Nam, 2011). Công việc khởi đầu của vợ chồng Mục sư Phạm Xuân Tín sau khi ổn định chỗ ở là dùng ngựa hàng ngày đi vào các làng người Jrai, Bahnar vùng phụ cận Pleiku, thường vào buổi sáng lúc dân làng tụ tập bàn bạc việc làng chờ bữa cơm sáng trước khi đi làm để truyền đạo. Tuy nhiên, tôn giáo mới này khởi đầu không được người dân các DTTS nơi đây đón nhận bởi nó xung đột với tín ngưỡng đa thần của đồng bào. Điều này được Mục sư Phạm Xuân Tín viết lại trong cuốn hồi ký của mình: *"Công việc truyền giáo ở Pleiku khó khăn, cam go hơn bất cứ khu vực nào... Lòng người Pleiku thật chai lì, cứng rắn và quá mê tín dị đoan"* (Phạm Xuân Tín, 1990).

Cho đến năm 1950, khi được điều chuyển về Nha Trang, Mục sư Phạm Xuân Tín mới chỉ gây dựng được một cộng đồng tín đồ khoảng 100 người. Mục sư Trương Văn Sáng được cử lên thay. Năm 1951, với sự giúp đỡ của C&MA, Hội thánh Pleiku mua đất ở đường Nguyễn Thái Học xây dựng một nhà thờ. Năm 1952, địa hạt Thượng du được thành lập bao gồm các chi hội Tin Lành người dân tộc tại chỗ, do đó, công cuộc truyền giáo của Tin Lành ở tỉnh Gia Lai có thêm những bước tiến mới. Tuy vậy, trong giai đoạn đầu du nhập ở Gia Lai, đạo Tin Lành gặp nhiều khó khăn do vấp phải tín ngưỡng truyền thống của đồng bào, sự bất đồng ngôn ngữ, sự cấm đoán của chính quyền thực dân Pháp. Do đó, cho đến trước năm 1954, việc truyền đạo Tin Lành tại Gia Lai cũng chỉ dừng lại ở mức độ khai phá, thăm dò, kết quả chưa cao.

Tháng 2 năm 1955, mục sư Trương Văn Sáng cùng Grup, nhà truyền đạo người Bahnar, đã đến truyền đạo cho những người Bahnar đầu tiên ở plei Hbia, quê của Grup, cách Pleiku 18 km về hướng đông bắc. Chỉ trong 3 ngày, tại đây đã có 12 người tin theo. Đến năm 1962, tại plei Hbia có 7 tín đồ chịu báp têm (rửa tội) và khoảng 20 người tin đạo. Nhưng chỉ 01 năm sau, cả làng lại quay về với phong tục truyền thống, cúng bái, uống rượu. Đến năm 1966, với nỗ lực của nhà truyền giáo, những người kia lại theo đạo, trong làng có 11 gia đình tín đồ.

Tháng 3 năm 1963, có 39 người Bahnar tại làng nhỏ tái định cư plei Dolol xin nhập đạo, họ đã được hướng dẫn để cầu nguyện. Hầu hết những người trẻ tuổi muốn tin đạo, nhưng những

người già thì không muốn tin theo. Đến năm 1965, làng này có 77 người tin đạo, 3 người đã báp têm.

Đến năm 1972, khu vực người Bahnar có 64 người báp têm và 658 người tin đạo (Đỗ Hữu Nghiêm, 2015). Tuy nhiên, những ghi chép của mục sư Trương Văn Sáng lại cho biết ông đã cùng 2 tập sự là Grup và Ghao đã truyền đạo được cho 45 làng Bahnar với 150 người cầu nguyện tin nhận chúa và 1.100 người được nghe Tin lành (Trương Văn Sáng, 1955).

*** Giai đoạn từ 1975 đến nay:**

Sau ngày giải phóng, hệ thống tổ chức của đạo Tin lành bị khủng hoảng và phân hóa cao độ. Tổ chức Fullro đã lợi dụng một số chức sắc và tín đồ Tin lành là người DTTS tại chỗ (chủ yếu là hệ phái Tin lành miền Nam Việt Nam) để phát triển lực lượng, xây dựng căn cứ chống lại chính quyền cách mạng, gây bất ổn cho đời sống nhân dân. Để ổn định tình hình, từ năm 1977, chính quyền cách mạng đã buộc phải đình chỉ hoạt động của bộ máy tổ chức hành chính đạo gắn liền với các chức sắc của tôn giáo này. Các hội thánh tại địa phương bị giải tán, nhà thờ bị đóng cửa, các hoạt động mục vụ bị đình chỉ, tập trung cải tạo giáo sĩ, xử lý việc sinh hoạt trái phép và vận động quần chúng bỏ đạo. Tuy vậy, trên thực tế, đạo Tin lành trong cộng đồng người Bahnar không mất đi mà chỉ thu hẹp phạm vi hoạt động, sinh hoạt kín đáo, nhiều tín đồ biến nhà thành nơi cầu nguyện chung; truyền đạo lén lút (trái phép); một số chức sắc và tín đồ vẫn tích cực truyền đạo nên số tín đồ vẫn gia tăng và trong cộng đồng người Bahnar, đa số tín đồ vẫn âm thầm duy trì đức tin và thực hành các nghi lễ tôn giáo tại gia đình (UBND tỉnh Gia Lai, 2006).

Sau một thời gian trầm lắng, từ giữa thập niên 1980, Tin Lành đã phục hồi trở lại tại Gia Lai trong bối cảnh đất nước thực hiện đổi mới kinh tế theo hướng thị trường, đổi mới chính sách xã hội và bước đầu đổi mới nhận thức, quan điểm về tôn giáo. Trong điều kiện chưa được Nhà nước công nhận, thiếu sự hỗ trợ từ bên ngoài, hạn chế về nhân lực, vật lực so với giai đoạn trước năm 1975, các mục sư của đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai đã thực hiện chiến lược truyền giáo linh hoạt, phù hợp và thích ứng với điều kiện mới. Nhờ đó, nhiều chi hội Tin Lành tại Gia Lai phục hồi và phát triển nhanh chóng, đặc biệt là vào những năm cuối thế kỷ XX⁽³⁾. Từ năm 2001, khi hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, hoạt động của đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai dần đi vào ổn định. Đặc biệt, sau khi có Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với Tin Lành, tình hình hoạt động của các hệ phái Tin Lành trong cộng đồng người Bahnar diễn ra nề nếp theo pháp luật, sinh hoạt đạo rất ổn định.

Theo thống kê của hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam, năm 2004 tại Gia Lai có 70.000 người theo hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam, trong đó dân tộc Bahnar có khoảng 18.000 tín đồ. Đến năm 2008, theo số liệu của Hệ phái Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tại tỉnh Gia Lai có gần 93.000 tín đồ, trong đó khoảng 20.000 người Bahnar (Hội thánh Tin Lành Việt Nam, 2008). Trong khoảng thời gian 11 năm sau khi có Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ (2005-2016), số tín đồ đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai đã tăng thêm 49.708 người, trong đó, hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam tăng đến 46.190 người, các hệ phái khác tăng 3.518 người. Theo thống kê của hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam có khoảng 130.000 tín đồ, trong đó, tín đồ người Bahnar chiếm khoảng 29.000 tín đồ. Đến năm 2018, theo số liệu thống kê của thông tin từ Ban Tôn giáo Chính phủ thì người Bahnar có khoảng 35.309 tín đồ, phân bố chủ yếu ở các huyện Đăk Đoa⁽⁴⁾, Mang Yang, Chư Sê, Đăk Pơ. Đặc biệt hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam có số tín đồ đông nhất với 138.903 người (tín đồ người DTTS là 137.685 người), chiếm 90,6% tổng số tín đồ Tin Lành toàn tỉnh. Số lượng chức sắc 91 người; Số lượng chức việc 754 người; 70 tổ chức tôn giáo trực thuộc; 37 cơ sở thờ tự; 182/188 điểm nhóm đã được cấp ĐKSH. Cụ thể trong cộng đồng người Bahnar theo hệ phái Tin lành Miền Nam Việt Nam có 19 chi hội với 24.895 tín đồ, số lượng Ban trị sự, chấp sự là 232 người; 18 cơ sở thờ tự (Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai, 2020).

Như vậy, qua hơn 90 năm truyền giáo, đến nay, đạo Tin Lành đã tạo thành một cộng đồng dân tộc - tôn giáo đáng kể trong vùng người Bahnar ở tỉnh Gia Lai. Nghiên cứu chỉ ra số lượng tín đồ Tin lành người Bahnar ít hơn so với tín đồ người Jrai (bằng 1/3), và tập trung ở các huyện Đăk Đoa, Mang Yang, thành phố Pleiku. Với những địa bàn các huyện như Đăk Pơ, Kbang, An Khê, Kông Chro, ảnh hưởng của đạo Tin lành rất hạn chế. Về cơ bản, cộng đồng Tin lành Bahnar giữ đặc tính thuần phác, hiền lành, thật thà vốn có; luôn sống tốt đời đẹp đạo với mong muốn thuần hậu là duy trì ổn định sự sinh hoạt đạo thuần túy; bảo tồn những nét văn hóa đặc trưng của

người Bahnar; tuân thủ pháp luật và không có những biểu hiện xung đột, mâu thuẫn với chính quyền.

3. Một số nguyên nhân đưa đến sự phát triển nhanh chóng của đạo Tin lành trong cộng đồng người Bahnar tại tỉnh Gia Lai

Thứ nhất, từ thực tế hoạt động của đạo Tin Lành tại địa bàn tỉnh Gia Lai cho thấy, tỉnh Gia Lai cũng như cả vùng Tây Nguyên là địa bàn thuận lợi để các tôn giáo tìm cách mở rộng ảnh hưởng vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đạo Cao Đài, Phật giáo,... đã nhiều lần thông qua việc tổ chức các hoạt động từ thiện để phát triển tín đồ, nhưng do tính trừu tượng, uyên thâm và những ràng buộc bởi nội quy của giáo luật, giáo lý nên hai tôn giáo này đến nay vẫn chưa có chỗ đứng đáng kể trong đời sống tâm linh của các dân tộc thiểu số. Trong khi đó, đạo Tin Lành lại khá thành công trong việc mở rộng “Nước Chúa”, nguyên nhân chính là các nhà truyền giáo Tin Lành biết vận dụng những phương pháp thích hợp với đặc điểm tâm lý dân tộc, phù hợp với bối cảnh xã hội đương thời.

Thứ hai, sự thay đổi của hoàn cảnh sống, của thiết chế xã hội làm mất dần đi không gian sinh hoạt tín ngưỡng của họ. Điều này cũng dẫn đến sự thay đổi trong nhận thức của người Bahnar, khiến tự thân họ mong muốn tìm con đường sinh hoạt tâm linh mới, phù hợp với thời đại mới. Đạo Tin Lành đã khai thác các khoảng trống trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc để đẩy mạnh công tác truyền đạo; đạo Tin Lành đã hình thành được những tập quán và nội dung sinh hoạt tôn giáo phù hợp với điều kiện, đặc điểm của vùng đồng bào và hòa nhập ở một mức độ đáng kể.

Thứ ba, các DTTS luôn là đối tượng truyền giáo mà đạo Tin Lành hướng tới ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam. Phương pháp truyền giáo của đạo Tin Lành năng động, phù hợp với tâm lý và trình độ nhận thức của người DTTS. Đạo Tin lành đã xây dựng được Hội Thánh địa phương mang màu sắc dân tộc, do người dân tộc quản lý, với một hệ thống cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh phục vụ cho sinh hoạt tôn giáo và sinh hoạt xã hội của đồng bào dân tộc Bahnar.

Thứ tư, đạo Tin Lành có những giá trị đạo đức phù hợp với đạo đức, lối sống của người Việt Nam, phù hợp với giá trị của thời đại mới và phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới ở Việt Nam. Họ sử dụng phương pháp kết hợp truyền giáo với công tác từ thiện xã hội chú trọng địa bàn điểm, chọn đối tượng nòng cốt và dùng áp lực cộng đồng để phát triển đạo. Cùng với đó đạo Tin Lành tổ chức khảo sát thực tế, nắm bắt sâu sắc đời sống tín ngưỡng của người Bahnar, dùng ngôn ngữ Bahnar để kiến trì công việc truyền giáo; đạo Tin lành đã huấn luyện được một đội ngũ giáo sĩ chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp người Bahnar có chuyên môn, có kinh nghiệm thực tiễn về truyền giáo vùng dân tộc nhằm kế tục mục tiêu của C&MA là “tôn giáo hóa vùng dân tộc ít người”.

Thứ năm, đặc thù tại Gia Lai có một số lượng lớn các đối tượng trước đây tham gia “Tin lành Đê ga”, sau đó vì mặc cảm không quay về sinh hoạt tại các hệ phái cũ (chủ yếu là Tin lành Việt Nam Miền Nam) mà tìm tới những hệ phái, tổ chức Tin lành mới để thỏa mãn niềm tin, một số để thỏa mãn lợi ích cá nhân (về kinh tế, địa vị). Trong khi đó lại gặp các tổ chức, các hệ phái Tin lành mới đang xâm nhập vào địa bàn tỉnh Gia Lai đang ra sức phát triển tín đồ, mở rộng phạm vi hoạt động. Trong quá trình truyền đạo, các hệ phái Tin lành (đặc biệt là những hệ phái chưa được nhà nước công nhận) có hiện tượng tranh giành tín đồ lẫn nhau, sử dụng lợi ích về kinh tế để lôi kéo người tin theo. Nhưng sau khi tạo dựng được cơ sở thì không có nhân lực (chức sắc chuyên nghiệp) để hướng dẫn tín đồ sinh hoạt tôn giáo. Do đó, tín đồ theo các hệ phái này niềm tin thường mờ nhạt, dễ dàng thay đổi từ hệ phái này sang hệ phái khác khi đáp ứng được lợi ích cá nhân (về kinh tế, địa vị trong tổ chức).

Thứ sáu, Gia Lai là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, kinh tế, chính trị và trật tự an toàn xã hội cả khu vực Tây Nguyên rộng lớn, là tỉnh trọng điểm về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Do vị trí chiến lược về chính trị và quân sự như vậy mà trong mọi giai đoạn của cách mạng Việt Nam, các thế lực nước ngoài luôn tìm cách chia rẽ đoàn kết dân tộc, tập hợp lực lượng, kích động li khai tự trị. Một số phần tử lợi dụng hoạt động tôn giáo để tập hợp lực lượng đối lập, kích động gây rối, gây mất ổn định chính trị xã hội, quốc tế hóa vấn đề dân tộc, tôn giáo ở vùng dân

tộc thiểu số để chống Nhà nước Việt Nam. Điển hình là các vụ bạo loạn đòi thành lập “Nhà nước Đêga” năm 2001 và năm 2004, 2008 ở Tây Nguyên.

4. Những vấn đề đặt ra trong quá trình đạo Tin Lành du nhập vào cộng đồng dân tộc Bahnar ở Gia Lai

Một là, đạo Tin lành luôn chủ trương phát triển nhanh tín đồ, cho dù là đánh trống ghi tên, để củng cố thực lực; lấy sự phát triển nhanh tín đồ làm nền tảng tồn tại của đạo Tin lành ở Tây Nguyên cả trước mắt và lâu dài. Một khi số lượng tín đồ đông đảo sẽ là áp lực, là cơ sở để xuất Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân cho các hệ phái chưa được công nhận.

Hai là, các thế lực thù địch luôn tìm mọi thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm can thiệp, thực hiện âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ các dân tộc thiểu số với người Kinh, chia rẽ các dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước và chế độ, phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, người có uy tín là đối tượng mà các thế lực thù địch sẽ tập trung tác động, tìm cách khai thác, lôi kéo, để kích động ly khai, tự trị dân tộc. Để ổn định, phát triển của vùng dân tộc thiểu số, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải luôn thấu suốt nội hàm quan điểm và tiếp tục có thêm nhiều giải pháp để chăm lo, phát huy vai trò của người có uy tín.

Bốn là, hiện nay ở Gia Lai, đặc biệt là các huyện phía Đông nơi tập trung sinh tụ của người Bahnar, trừ một số huyện như Đăk Đoa, Mang Yang có tỷ lệ người Bahnar theo Tin lành tương đối đông thì các huyện khác như Kbang, Kông Chro, An Khê, đạo Tin lành chưa tiếp cận nhiều ở khu vực này. Thậm chí đã có những xung đột gay gắt giữa người dân Bahnar với những đối tượng truyền đạo. Về mặt lịch sử, đây là vùng căn cứ cách mạng trước đây, nơi những người Bahnar một lòng tin theo Đảng, Bác Hồ nên họ không dễ thỏa hiệp với tôn giáo mới. Tuy nhiên, đạo Tin lành với chủ trương mở rộng nước Chúa sẽ không từ bỏ khu vực này; nên trong tương lai, rất có thể những mục sư truyền đạo; thậm chí là các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước, nhất là số FULRO, “Tin lành Đe Ga” sẽ không từ âm mưu chống phá, sẽ thay đổi phương cách, chiến lược truyền đạo vốn có để thích nghi với khu vực này, tiếp cận gần hơn với người dân nơi đây. Đây cũng là vấn đề đặt ra trong thời gian tới mà địa phương cần hết sức chú ý⁽⁵⁾.

Năm là, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và thông tin sẽ đem lại nhiều cơ hội cho vùng dân tộc thiểu số nói chung và người có uy tín nói riêng trong các hoạt động giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội giữa các vùng miền trong nước, khu vực và trên thế giới, nhất là các mối quan hệ đồng tộc mang tính quốc tế sẽ xích lại gần nhau hơn. Nhưng nếu ta không quản lý tốt thì đó sẽ là cơ hội để các thế lực thù địch từ bên ngoài lợi dụng thâm nhập, chống phá.

5. Một số giải pháp nhằm ổn định cộng đồng Bahnar theo đạo Tin Lành ở Gia Lai

5.1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân

Nguyện vọng tha thiết của phần đông tín đồ là “phần xác ấm no, phần hồn thông dong”. Vì vậy, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao đời sống của nhân dân trong đó có đồng bào tôn giáo là nhiệm vụ mang tính chiến lược, trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng có đạo chính là việc tạo điều kiện để đồng bào có đạo tích cực tham gia xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh”. Làm tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là nhân tố quan trọng để quần chúng nhân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chính sách đúng đắn của Nhà nước ta.

Về đời sống tín ngưỡng của đồng bào Bahnar, đối với các làng có đồng tín đồ có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, hoặc những điểm nhóm Tin Lành có đồng tín đồ chính quyền các cấp cần tạo điều kiện thuận lợi về việc xây dựng nhà nguyện, đào tạo chức sắc theo quy định của pháp luật để họ được thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của mình. Đối với những nơi đồng bào mới theo đạo Tin Lành chưa được công nhận tư cách pháp nhân, không liên quan đến hoạt động chính trị của Fulro và các thế lực thù địch khác, có nguyện vọng sinh hoạt tôn giáo thuần túy tại gia, thì hướng dẫn đồng bào đăng ký sinh hoạt ở những nhà có điều kiện, cam kết về nội dung sinh

hoạt để chính quyền xem xét, nếu đủ điều kiện thì tạo thuận lợi để đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường.

5.2. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm bản sắc dân tộc

Giải quyết tốt vấn đề tôn giáo phải đặt trong vấn đề văn hóa. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa độc đáo tạo nên cốt cách, phong thái và vẻ đẹp riêng. Cốt cách văn hóa ấy là cơ sở để cố kết cộng đồng, là mối dây trao truyền nhân cách tộc người đến với mỗi cá nhân. Tôn giáo cũng là một bộ phận của văn hóa, dù là tôn giáo nội sinh hay ngoại nhập thì việc đồng hành cùng hệ giá trị văn hóa dân tộc chính là yếu tố quyết định sức sống trong lòng dân tộc của mỗi tôn giáo. Đây cũng chính là xu thế vận động của đạo Tin Lành và là nguyện vọng của không ít chức sắc có tâm huyết. Xây dựng chính sách đối với tôn giáo cần lưu ý đến sự tác động biện chứng giữa tôn giáo và văn hóa.

Đạo Tin Lành có tác động kép đến văn hóa truyền thống của đồng bào Bahnar, một mặt làm hiện đại hóa nền văn hóa nhưng cũng đồng thời cũng làm mai một nhiều giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống. Đơn cử như tín ngưỡng truyền thống của đồng bào Bahnar là tín ngưỡng đa thần, nơi người dân quan niệm thần linh cư ngụ khắp nơi và con người được thần linh giao trọng trách phải duy trì trật tự mà thần linh đã sắp đặt. Toàn bộ đời sống của người Bahnar được phản chiếu qua tín ngưỡng thờ cúng thần linh. Tuy nhiên, khi Tin Lành thâm nhập, khi thần linh dần nhường chỗ cho đức Chúa thì văn hóa truyền thống có sự mai một, đứt gãy, phai nhạt; nhiều tập tục, lễ hội, lễ nghi truyền thống gắn với tín ngưỡng đa thần sẽ mất đi cơ sở tồn tại, thay thế vào đó là những hoạt động văn hóa nghệ thuật mới mẻ như lễ phục sinh, lễ giáng sinh, hát thánh ca, chịu các phép bí tích...⁽⁶⁾.

Để khắc phục xu hướng trên rất cần có sự chủ động tham gia của các cấp ủy, chính quyền địa phương mà trực tiếp là vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong từng làng (plei) nhằm phát huy văn hóa truyền thống, đẩy mạnh xu thế trở về với giá trị văn hóa dân tộc, hòa nhập cùng cội nguồn văn hóa dân tộc. Để làm được điều đó cần lưu ý các điểm sau:

- Trước hết cần thiết có sự giáo dục ý thức tự cường, tự hào về truyền thống văn hóa của người Bahnar. Chính quyền cần giúp đồng bào hiểu rằng họ vừa là tín đồ Tin Lành nhưng cũng thuộc về một tộc người có truyền thống văn hóa đặc sắc. Họ vẫn giữ niềm tin tôn giáo nhưng cũng cần biết trân trọng bản sắc của tộc người mình. Việc nhận thức một cách đúng đắn các giá trị văn hóa tích cực là điều cần thiết để đánh thức ý thức tự giác văn hóa tộc người một cách đúng đắn, đồng thời tránh xu hướng dân tộc hẹp hòi.

- Thứ hai, cần có những định hướng trong kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống như ngày hội các dân tộc thiểu số, trình diễn cổng chiêng, liên hoan dân ca dân vũ, vinh danh các nghệ nhân, ngày hội từng vùng miền... bao chứa trong nó tính liên cộng đồng và sức lan tỏa cao rất cần được định hướng phát triển hợp lý nhằm nâng cao giá trị sinh hoạt văn hóa, tâm linh cho người Bahnar trong bối cảnh hiện nay.

Làm tốt hai vấn đề trên, một mặt sẽ góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, lấp đầy những khoảng trống trong sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống, tạo ra sức đề kháng nhất định trước các hiện tượng tôn giáo ngoại lai với những chủ trương đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nâng cao nhận thức của người dân trước các vấn đề lợi dụng, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc dưới chiêu bài xung đột văn hóa.

5.3. Phát huy tốt hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong công tác tôn giáo đối với đạo Tin Lành

Cần tăng cường hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị trong công tác tôn giáo cũng như đối với Tin Lành nói riêng. Vấn đề đặt ra ở đây là cần có sự phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên trong hệ thống chính trị và trong các ban ngành có liên quan đến việc thực hiện chính sách tôn giáo. Trong đó, các cấp ủy cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Luật Tín ngưỡng tôn giáo về chính sách tôn giáo nói chung và chính sách đối với đạo Tin Lành nói riêng. Phải cụ thể hóa bằng những chương trình hành động cụ thể phù hợp với địa phương mình và chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, thường xuyên đối với cả hệ thống chính trị nhằm phối hợp hành động, tiến

hành đồng bộ đối với công tác này. Trên cơ sở quán triệt quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chương trình hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Có kế hoạch đầu tư xây dựng các chương trình phát triển kinh tế-xã hội nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Đồng thời giải quyết những tồn đọng về hoạt động tôn giáo của chức sắc; nơi thờ tự đúng chính sách và pháp luật, quan tâm kiện toàn và củng cố tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo; chỉ đạo các sở, ban ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cử cơ quan, đơn vị để cụ thể hóa, xây dựng giải pháp thực hiện. Mặt trận và các đoàn thể cần đổi mới phương thức vận động đồng bào có đạo để vận động, giải thích, tuyên truyền tốt hơn cho đồng bào hiểu và làm đúng mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của những phần tử xấu trong việc lợi dụng vấn đề tôn giáo vào mục đích chính trị phản động. Các ban, ngành chức năng cần tổ chức khảo sát nắm chắc tình hình đạo Tin Lành tại địa phương. Cần nắm chắc và phân loại động cơ theo đạo, hình thức truyền đạo, giáo sĩ, tình trạng nơi thờ tự, tình hình đời sống kinh tế, văn hóa-xã hội những nơi có người truyền đạo và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của đạo Tin Lành. Ban Dân tộc cần nắm lại thực lục sổ giã làng của đồng bào Bahnar và đề xuất những chủ trương chính sách mới đối với lực lượng này; phối hợp với Ban tôn giáo nắm tình hình và phát hiện những plei có hoạt động của đạo Tin Lành để có phương án xử lý kịp thời. Công an cần tăng cường công tác chuyên môn nghiệp vụ phát hiện, đấu tranh vô hiệu hóa những âm mưu lợi dụng đạo Tin Lành, lợi dụng việc đồng bào theo đạo Tin Lành chống lại Đảng, Nhà nước ta của các thế lực thù địch; phát hiện và ngăn chặn việc truyền đạo trái phép. Đài phát thanh và đài truyền hình địa phương cần tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng dân tộc, trong đó chú ý nội dung tuyên truyền chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; đấu tranh chống tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan và chống truyền đạo trái phép...

5.4. Đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ cốt cán là người có đạo

Đối với đạo Tin Lành tại tỉnh Gia Lai, cần quan tâm chú ý đến những đối tượng sau đây:

- *Một là*, đối với các chức sắc của Tin Lành, cần hết sức tranh thủ các mục sư, truyền đạo có thái độ tích cực; xem họ là lực lượng quan trọng trong mối quan hệ giữa tổ chức hệ phái với chính quyền và là đầu mối trong quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo đối với đạo Tin Lành tại địa phương. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh công tác vận động đối với những người này, phải quan tâm xây dựng cốt cán trong chức sắc để họ trở thành lực lượng chủ chốt trong việc vận động tín đồ sống “tốt đời đẹp đạo” và trong đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng Tin Lành chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- *Hai là*, đối với tín đồ cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và vận động họ thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chương trình hành động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Cần đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động chính trị - xã hội trong các khu dân cư có đạo. Phải đổi mới phương thức vận động đối với tín đồ thật cụ thể: bằng những việc làm cụ thể, những giải thích, dẫn chứng cụ thể và đối với từng đối tượng cụ thể. Trong đó, cần hết sức chú ý đến 3 đối tượng sau đây:

- Vận động già làng, trưởng thôn, vì họ vẫn còn có vai trò quan trọng trong cộng đồng thôn, làng của mình.

- Vận động tín đồ Tin Lành là phụ nữ, vì ở Gia Lai, mặc dù người Bahnar theo chế độ phụ hệ nhưng tiếng nói của người phụ nữ trong gia đình vẫn được coi trọng nên thông qua người phụ nữ sẽ tác động được các thành viên khác trong gia đình. Chính Tin Lành đã rất thành công trong việc truyền đạo thông qua người vợ để từ người vợ tác động đến người chồng.

- Thanh thiếu niên có tín ngưỡng tôn giáo, họ đồng thời cũng có tâm lý mong muốn được tin cậy, ưa thích các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội,... Vì thế, muốn phát triển tốt công tác đoàn kết tập hợp thanh niên tôn giáo thì điều trước hết phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng giúp thanh niên tôn giáo nắm được đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ của thanh niên và các phong trào thanh thiếu niên, hăng hái tham gia vào các phong trào chung của thanh niên. Từ đó nâng cao chất lượng đoàn viên, thanh niên, xây dựng chi đoàn, đoàn cơ sở vững mạnh, đóng vai trò nòng cốt trong phong trào thanh niên.

5.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tôn giáo ở địa phương

Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP, 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ, từ năm 2008 Ban Tôn giáo tỉnh được sát nhập vào Sở Nội vụ và thành lập Phòng chuyên môn thuộc sở; bộ phận làm công tác tôn giáo các huyện, thị xã (thuộc Phòng Dân tộc - Tôn giáo huyện, thị trước đây) được sát nhập vào Phòng Nội vụ của cấp huyện; Đến nay, tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo thuộc chính quyền các cấp đã được củng cố; đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo từng bước được nâng cao về chất lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Quan tâm đến chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo là vấn đề quan trọng. Muốn vậy, trước hết phải đảm bảo số lượng người làm công tác chuyên trách này ở từng cấp và phải tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ này được trang bị, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, như cho đi học các lớp Cao cấp lý luận chính trị; khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ làm công tác tôn giáo chưa qua đào tạo cơ bản đi thi và học đại học chuyên ngành tôn giáo, hoặc thường xuyên mở những lớp bồi dưỡng ngắn hạn tại tỉnh. Đồng thời, cần nghiêm túc trong việc đánh giá cán bộ công chức đảm trách công tác tôn giáo, tăng cường công tác cơ sở của cán bộ công chức làm công tác tôn giáo định kỳ và có kế hoạch ưu tiên bố trí cán bộ làm công tác tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là người địa phương hay những người có kinh nghiệm am hiểu về phong tục tập quán đồng bào dân tộc.

6. Kết luận

Người Bahnar ở Gia Lai đón nhận đạo Tin Lành từ khá sớm, xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau: Sự thay đổi của hoàn cảnh sống, của thiết chế xã hội làm mất dần đi không gian sinh hoạt tín ngưỡng của họ. Phương thức truyền giáo của đạo Tin Lành năng động, phù hợp với tâm lý và trình độ nhận thức của người Bahnar. Kinh tế của cộng đồng Bahnar còn khó khăn, khi có người đến sống cùng, chia sẻ, giúp đỡ từ những việc rất nhỏ cũng dễ dàng khiến cho đồng bào dễ dàng tin theo. Thời điểm truyền giáo sớm và không vấp phải sự cạnh tranh của Công giáo; đạo Tin Lành đáp ứng được những nhu cầu tinh thần của người Bahnar nên tôn giáo này đã phát triển mạnh và có sức sống bền vững trong cộng đồng,... Nghiên cứu đã chỉ ra những tác động của đạo Tin Lành trong cộng đồng người Bahnar, từ đó gợi mở những giải pháp phù hợp, cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới nhằm ổn định cộng đồng Bahnar theo đạo Tin Lành ở Gia Lai hiện nay như: Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tôn giáo ở địa phương; Vận động quần chúng và xây dựng đội ngũ cốt cán là người có đạo... Trong giai đoạn hiện nay, cần nhận thức rằng mọi chính sách phát triển bền vững đối với Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung, không thể thiếu yếu tố tôn giáo, vấn đề tôn giáo. Một mặt thể hiện sự thúc đẩy, bảo đảm cho quyền tự do tôn giáo của người Bahnar, mặt khác phát huy giá trị tích cực của tôn giáo nói chung, Tin Lành nói riêng vào sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Chú thích:

(1) Tổng số tín đồ trên địa bàn tỉnh hiện có 381.490 người chiếm khoảng 25% dân số toàn tỉnh; trong đó: Công giáo: 124.844 người; Tin lành: 154.160 người; Phật giáo: 100.337 người; Cao đài: 4.108 người và Baha'i: 41 người. Có 300 tổ chức tôn giáo trực thuộc, trong đó có 247 cơ sở tôn giáo, cụ thể: Công giáo 84 cơ sở (gồm 60 nhà thờ, nhà nguyện, 24 cơ sở Dòng tu); Tin lành 38 cơ sở; Phật giáo 117 cơ sở (116 cơ sở tự viện và 01 trường Trung cấp Phật học); Cao đài 08 cơ sở (Số liệu Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai cung cấp tháng số liệu chung 06 tháng đầu năm 2021).

(2) Thành phố Pleiku 3.310 người; Thị xã An Khê 1.476 người; Thị xã Ayun Pa 9 người; Huyện KBang 28.553 người; Huyện Đak Đoa 46.677 người; Huyện Chư Păh 6.823 người; Huyện Ia Grai 87 người; Huyện Mang Yang 38.864 người; Huyện Kông Chro 35.441 người; Huyện Đức Cơ 71 người; Huyện Chư Prông 67 người; Huyện Chư Sê 10.560 người; Huyện Đak Pơ 9.586 người; Huyện Ia Pa 5.535 người; Huyện Krông Pa 10 người; Huyện Phú Thiện 1.227 người; Huyện Chư Pưh 1.071 người. (Số liệu Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai cung cấp tháng số liệu chung 06 tháng đầu năm 2021).

(3) Năm 1990, Đảng và Nhà nước ta có chủ trương, chính sách đổi mới đối với tôn giáo thể hiện qua Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị khóa VI đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế với các nước trên thế giới. Theo đó, các hệ phái Tin lành gồm có TLVNMN và các hệ phái Tin Lành khác du nhập và Gia Lai phát triển trở lại.

(4) Tính đến cuối tháng 12/2020, huyện Đăk Đoa có 34.217 tín đồ Bahnar; huyện Mang Yang có 2599 tín đồ (Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai, 2020).

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã chỉ rõ: “Công tác dự báo, nắm tình hình nhân dân và những vấn đề mới nảy sinh có lúc chưa sâu sát... Quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo có mặt còn hạn chế. Một số vụ việc liên quan đến vấn đề tôn giáo, an ninh nông thôn, tranh chấp đất đai trong đồng bào dân tộc thiểu số ở cơ sở giải quyết chưa triệt để, còn lúng túng”.

(6) Trung Thị Thu Thủy (2014), “Vài nét về tín ngưỡng truyền thống của người Ba Na”, Tạp chí Di sản văn hóa, số 3, tr. 64-66.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị (1990). *Nghị quyết số 24/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa VI về Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, số 24/NQ-TW ngày 16-10 1990. Hà Nội.

Vũ Thị Thu Hà (2014). Nguyên nhân đạo Tin Lành phát triển nhanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây nguyên. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 8.

Hội thánh Tin Lành Việt Nam (2011). *Tuyển tập tiểu sử người phục vụ Chúa*. Nxb Phương Đông, tr.358- 359.

Đỗ Quang Hưng (2011). Một số vấn đề về Tin Lành ở Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên*, 2.

Đoàn Triệu Long (2012). Đạo Tin Lành buổi đầu vào Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 1.

Ngô Văn Minh (2016). Chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên qua 30 năm đổi mới. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 9.

Đỗ Hữu Nghiêm (2005). Đạo Tin lành du nhập vùng Nam Trường Sơn – Tây Nguyên – Delta Press, tr 125 – 126.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017). *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*. Nxb Lao Động. Hà Nội.

Trương Văn Sáng (1955). Thánh kinh báo, vol 9 số 225 tục bản số 56 (n.p:n.pub, tháng 7/1955), 19-21.

Phạm Xuân Tín (1990). *Tim gặp Đấng Chân Thần- hồi ký*, lưu hành nội bộ, tr. 44.

Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005). *Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 về một số công tác đối với đạo Tin Lành*.

UBND tỉnh Gia Lai (2006). Tìm hiểu thực trạng vấn đề tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc trong phát triển hiện nay ở Gia Lai. *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học*.

Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2020). *Văn kiện ĐHĐB Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI*, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Bộ Chính trị (1998). *Thông báo số 184-TB/TW ngày 30-11-1998, Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*. Hà Nội.

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.